

VIETNAMESE LABOR DURING THE FIRST WORLD WAR (1914-1918): A PERSPECTIVE ON THE PROCEDURE OF FRANCE'S LABOR RECRUITMENT

Nghiêm Thi Hai Yen, Dao The Son, Nguyen Thi Trang*

TNU - University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	09/4/2024	When World War I broke out, Indochina sent approximately 49,000 laborers, primarily Vietnamese, to France to work in factories and defense enterprises. A question arises: what factors influenced the process of recruiting Vietnamese laborers to France? Based on documentary sources and through historical and logical research methods, the study elucidates: 1) France's perspective on human resource recruitment in Vietnam; 2) the factors influencing the recruitment and transportation of Vietnamese laborers to France; and 3) the impact of these factors on Vietnamese workers in France. Research results indicate that, driven by an understanding of geopolitics, ethnicity, and demographics in Indochina, the French colonialists predominantly recruited Vietnamese individuals to work in France. However, upon arrival in France, Vietnamese laborers encountered discrimination, both societal and governmental, exacerbating social and psychological challenges. Despite these adversities, these experiences also fostered awareness of labor rights and solidarity within the Vietnamese labor community in France.
Revised:	14/5/2024	
Published:	14/5/2024	
KEYWORDS		
World War I		
French Empire		
Colonial labor		
French Indochina		
Labor recruitment procedure		

LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918): MỘT GÓC NHÌN VỀ VẤN ĐỀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG CỦA PHÁP

Nghiêm Thị Hải Yến, Đào Thế Sơn, Nguyễn Thị Trang*

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	09/4/2024	Khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Đông Dương đã gửi khoảng 49.000 người lao động mà chủ yếu là người Việt Nam sang Pháp làm việc trong các nhà máy và xí nghiệp quốc phòng. Vấn đề đặt ra là những yếu tố nào đã tác động đến quá trình tuyển dụng lao động Việt Nam sang Pháp? Dựa trên các nguồn tư liệu và thông qua các phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic, nghiên cứu làm rõ 1) quan điểm của Pháp về việc tuyển dụng nhân lực ở Việt Nam; 2) những yếu tố ảnh hưởng đến việc tuyển dụng và vận chuyển lao động Việt Nam đến Pháp; 3) tác động của các yếu tố này đến người lao động Việt Nam ở Pháp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, từ toan tính về địa chính trị, dân tộc, nhân khẩu học ở Đông Dương, thực dân Pháp chủ yếu tuyển dụng người Việt Nam sang Pháp làm việc. Tuy nhiên khi ở Pháp, lao động Việt Nam phải đối mặt với sự phân biệt đối xử và kỳ thị từ phía chính phủ Pháp. Điều này đã gây ra nhiều vấn đề xã hội và tinh thần cho người lao động Việt Nam. Mặc dù vậy, những trải nghiệm này cũng đã thúc đẩy sự nhận thức về quyền lợi lao động và tinh thần đoàn kết trong cộng đồng người lao động Việt Nam ở Pháp.
Ngày hoàn thiện:	14/5/2024	
Ngày đăng:	14/5/2024	
TỪ KHÓA		
Chiến tranh thế giới thứ nhất		
Đế quốc Pháp		
Lao động thuộc địa		
Liên bang Đông Dương		
Tuyển dụng lao động		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10087>

* Corresponding author. Email: trangnt.his@tnue.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Theo nhà xã hội học, sử học, Michel Foucault: “Chiến tranh được nhìn nhận như cuộc chiến giữa các chủng tộc” trên thế giới [1, tr. 239]. Điều này có nghĩa là hầu hết các cuộc chiến tranh trên thế giới đều liên quan đến các chủng tộc và mỗi chủng tộc có một vai trò nhất định trong các cuộc chiến này. Do đó, khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ vào năm 1914, Pháp đã tích cực chuẩn bị và huy động một số lượng lớn của cải, vật chất, binh lính cũng như lao động từ khắp hệ thống thuộc địa của mình đến Pháp để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc. Từ năm 1914 đến 1918, hơn 662.000 người đã nhập cư trên đất Pháp (những người nhập cư thời chiến bao gồm những người tị nạn Bỉ trong lực lượng lao động dân sự và các tù nhân chiến tranh được tuyển dụng và lao động từ các thuộc địa) để làm việc tại các nhà máy chiến tranh [2]. Đông Dương với khoảng 17 triệu dân, đã đóng góp khoảng 48.955 người lao động [2], chủ yếu là người Việt Nam, đến làm việc trong các nhà máy thuốc súng khắp nước Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất.

Đáng chú ý, việc tuyển dụng lao động từ Việt Nam sang Pháp phục vụ cho chiến tranh không được tiến hành vội vàng mà trên thực tế, Pháp đã cân nhắc việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý lực lượng lao động Việt Nam dựa trên những toan tính về địa chính trị, nhân chủng học và dân tộc học. Do đó, nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích tác động của các yếu tố này đối với việc lựa chọn, quản lý và đời sống của lao động Việt Nam ở Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất.

Việc nghiên cứu về cách thức thực dân Pháp phân loại [3], khai thác nguồn nhân lực [4], sử dụng lao động thuộc địa trong chiến tranh [5] - [8] và sự hiện diện của lao động Đông Dương ở Pháp trong hai cuộc chiến tranh thế giới [9] - [11] đang ngày càng phổ biến trong các ngành sử học, chính trị học, khoa học xã hội và nhân văn. Nhiều nghiên cứu đã khái quát bối cảnh nước Pháp trong chiến tranh, đồng thời phân tích khả năng tuyển dụng nguồn nhân lực ở hệ thống thuộc địa của Pháp. Đặc biệt, hai nghiên cứu của Mireille Le Van Ho [12] và Kim Loan Vu-Hill [13] đã cung cấp một bức tranh toàn cảnh về lao động Việt Nam ở Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuy nhiên, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động Việt Nam vẫn chưa được tìm hiểu. Do đó, nghiên cứu này muốn cung cấp một góc nhìn đa chiều về tác động của địa chính trị, dân tộc học và chủng tộc học đối với lao động Đông Dương ở Pháp nhằm bổ sung kiến thức về chủ nghĩa thực dân Pháp cũng như cách thức tổ chức, khai thác nguồn nhân lực ở Đông Dương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu tác động của vấn đề địa chính trị, dân tộc và chủng tộc đối với việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý lao động Đông Dương, mà điển hình là lao động Việt Nam ở Pháp, nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Phương pháp lịch sử cung cấp cách tiếp cận tổng quát về những quan điểm, chính sách và chủ trương của Pháp trong việc tuyển dụng lao động. Trong khi đó, phương pháp logic được sử dụng để tổng quát, đánh giá, so sánh nhằm vạch ra bản chất của các yếu tố tác động đến chính sách tuyển dụng, quản lý và ảnh hưởng đến đời sống xã hội của người lao động Việt Nam ở Pháp.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Vị trí của lao động Việt Nam trong đế quốc Pháp

Năm 1858, cuộc tấn công vào Đà Nẵng đã mở đầu cho quá trình xâm lược của Pháp ở bán đảo Đông Dương. Trong giai đoạn từ 1867 đến 1884, thực dân Pháp kiểm soát sáu tỉnh ở miền Nam Việt Nam, sau đó chiếm giữ Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Năm 1887, Liên bang Đông Dương được thành lập với đường biên giới được đánh dấu bằng nhiều hiệp ước với Trung Quốc (1884, 1885, 1887), Anh (1896) và Xiêm (1893, 1904, 1907, 1925, 1926). Với diện tích 736.560 km², bị chia cắt bởi các dãy núi và thung lũng, liên bang Đông Dương không có trung tâm và hình dạng đặc biệt [14, tr. 4]. “Nhỏ hơn ở giữa và phồng lên ở hai đầu, nơi có hai đồng bằng châu thổ trù phú nên Đông Dương được ví như một cái đòn gánh được cân bằng bởi hai thúng gạo” [14, tr. 4]. Vị trí địa lý

chiến lược, nằm trên tuyến đường hàng hải, giao thương trên biển quan trọng, giàu có về tài nguyên, khoáng sản, Đông Dương được Pháp coi là hòn ngọc Viễn Đông của Pháp hay Ban công của Pháp ở Châu Á – Thái Bình Dương [15].

Song song với kiểm soát lãnh thổ, Pháp cũng tăng cường quản lý dân số bởi “không gì có thể hơn là giàu có về con người” [16, tr. 49]. Để kiểm soát dân số, người Pháp yêu cầu chính quyền địa phương phải báo cáo thường xuyên về tình hình dân số nơi mình xâm chiếm. Đặc biệt, trong cuộc điều tra dân số trên toàn Đông Dương năm 1930-1931, người Pháp yêu cầu mỗi gia đình điền vào các mẫu đơn in sẵn, trong đó đề cập đến nơi sinh, giới tính, chủng tộc, dân tộc, nghề nghiệp, số lượng thành viên trong gia đình. Sau đó, chính quyền cơ sở phải tính số người già trên năm mươi tuổi, số người trưởng thành trong độ tuổi từ mười lăm đến năm mươi và tình trạng hôn nhân của họ, số trẻ em dưới mười lăm tuổi [17].

Kết quả khảo sát cho thấy, tổng dân số của Liên bang Đông Dương trong những năm 30 của thế kỉ XX lên tới khoảng 20.996.000 người, trong đó có 8.005.000 người ở Bắc Kỳ, 4.912.000 người ở Trung Kỳ, 4.483.000 người ở Nam Kỳ, 2.770.000 người ở Campuchia và khoảng 819.000 người ở Lào [18, tr. 24-26]. Vì vậy, Đông Dương nổi lên như một ngoại lệ ở các vùng lãnh thổ thuộc địa của Pháp thường có dân cư thưa thớt [17, tr. 6]. Tuy nhiên, mật độ dân số không trải đều trên bán đảo Đông Dương [14, tr. 32]. Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ là những vùng có mật độ dân số đông nhất, trong khi các vùng khác trên bán đảo như Campuchia và Lào mật độ dân số thưa thớt. Ví dụ, sự phân bố dân số của Bắc Kỳ là 146 người/km², đặc biệt Thái Bình và Nam Định là hai tỉnh có mật độ dân số dày đặc nhất với 593 người/km² và 676 người/km². Ngược lại, dân số ở Campuchia chỉ khoảng 15 người/km², còn ở Lào chỉ khoảng 3 người/km² [18, tr. 23-26].

Không chỉ có dân số đông và phân bố trải dài, Đông Dương còn là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc. Theo quan điểm của người Pháp, Người Việt, Khmer và Xiêm là những nhóm dân tộc quan trọng ở Đông Dương trong Đế quốc Pháp. Họ có nền văn minh vĩ đại, định cư trên những vùng đất tốt nhất, những thung lũng màu mỡ và dọc theo bờ biển. Đặc biệt, khi nghiên cứu về lịch sử dân tộc Việt Nam, thực dân Pháp đã nhấn mạnh người Việt đã hình thành nên một quốc gia rất đồng nhất, một nền văn minh đúng nghĩa và sức sống mãnh liệt. Thậm chí, Toàn quyền Paul Doumer còn khẳng định “người Việt thông minh, siêng năng và dũng cảm. Người lính An Nam (Việt Nam) là người lính giỏi, có kỷ luật và dũng cảm. Họ cũng là những người nông dân giỏi, những người thợ lành nghề, những người thợ thủ công khéo léo” [19, tr. 93].

Từ những phân tích về phân bố dân cư và đặc điểm dân tộc, người Pháp đã khuyến khích người Việt Nam ở phía Bắc di cư đến các khu vực trong và ngoài Đông Dương. Trên thực tế, hàng nghìn binh lính và người lao động Việt Nam đã được tuyển dụng đi làm việc trong liên bang Đông Dương hay các đồn biên phòng dọc biên giới Thái Lan và Trung Quốc. Ngoài ra, người Pháp còn kích thích phong trào di cư của người Việt Nam về phía Bắc như Côn Minh (miền Nam Trung Quốc) hoặc bên ngoài liên bang Đông Dương như đến Tân thế giới và Tân đảo [4].

Đặc biệt, khi Chiến tranh thế giới thứ nhất xảy ra, người Pháp đã ban hành một loạt “Thông báo và Chỉ thị” được biên soạn bởi Cơ quan Tổ chức công nhân thuộc địa (SOTC) thuộc Tổng cục Quân đội thuộc địa của Bộ Chiến tranh để thông báo sử dụng lao động và sắp xếp lao động ở Pháp như Huấn thị về lao động người An Nam (20/02/1916), Huấn thị về sử dụng lao động Tunisia, lao động Trung Quốc, lao động Algeria, [20, tr. 49]. Trong những hướng dẫn và thông báo này, chính quyền Pháp quan tâm đến các nhóm dân tộc khác nhau. Họ lập luận rằng để thu được lợi nhuận tối đa từ lực lượng lao động [An Nam, Trung Quốc, v.v.] [20, tr. 49], điều quan trọng nhất là phải biết những gì có thể được yêu cầu với lực lượng lao động này cũng như hiểu rõ phẩm chất, đặc điểm, giới tính, giai cấp, chủng tộc, văn hóa và nghề nghiệp của họ.

Trong các báo cáo về chủng tộc và đặc điểm dân tộc, thực dân Pháp nhấn mạnh rằng người Trung Quốc “linh hoạt, thông minh, có sức khỏe tốt, có khả năng thích ứng hoàn hảo ở vùng đất của chúng ta (Pháp)”. Người An Nam “nhanh nhẹn, linh hoạt, nhưng không quá mạnh mẽ”; Người Algeria và người Maroc “mạnh mẽ, tinh táo”, nhưng người Berber “mạnh mẽ hơn” [20, tr. 52]. Mặc dù những tài liệu này được mô tả khá đơn giản nhưng nó cũng tiết lộ những gì chính

phủ Pháp mong muốn từ thuộc địa của mình. Đồng thời, mục đích của những mô tả về thể chất và tâm lý này là căn cứ để xác định loại công việc nào phù hợp với từng chủng tộc. Vì vậy, “với một số trường hợp ngoại lệ, người da đen sẽ được sử dụng trong những công việc đòi hỏi bạo lực và sức mạnh” [20, tr. 53]. Người An Nam “với sự khéo léo của mình, thích hợp với những công việc đòi hỏi sự khéo léo và kiên nhẫn, không đòi hỏi sức lực” [20, tr. 53]. Người Trung Quốc “có khả năng trở thành công nhân rất giỏi, họ có trình độ chuyên môn đặc biệt giúp họ thăng tiến nhanh chóng trong nghề, trong khi người Algeria có năng lực xuất sắc trong mọi công việc, chủ yếu là nông nghiệp và trồng nho. Họ cũng thích hợp với công việc ở hầm mỏ, nhà máy” [20, tr. 53]. Những tuyên bố này là điều kiện cơ bản để người Pháp tuyển dụng lao động và bố trí công việc phù hợp với đặc điểm thể chất và tinh thần của họ.

Do đó, từ sự phân tích địa chính trị, dân tộc học và đặc điểm chủng tộc, người Pháp thường hướng đến tuyển dụng lao động Đông Dương mà chủ yếu là người Việt Nam ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ đến Pháp phục vụ trong các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng trong chiến tranh thế giới thứ nhất.

3.2. Nhu cầu lao động và tuyển dụng lao động Việt Nam đến Pháp

Trước khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ (1914), Pháp lầm tưởng rằng đó sẽ là một cuộc chiến dễ dàng và nhanh chóng. Tuy nhiên, khi phải dàn trải 2 triệu quân trên tất cả các mặt trận – con số đã chạm đến ngưỡng giới hạn của quân đội Pháp lúc bấy giờ đã đẩy nước Pháp vào tình trạng thiếu binh sĩ và nhân công trầm trọng vào cuối năm 1915 [12, tr. 15]. Để giải quyết tình trạng này, ban đầu chính phủ Pháp đã đề xuất sử dụng nguồn nhân lực đến từ châu Phi. Tuy nhiên, trái ngược với việc bổ sung nhanh chóng và kịp thời về nguồn nhân lực cho lĩnh vực quân sự, sự thiếu hụt nhân lực cho lĩnh vực lao động ngày càng trầm trọng. Đặc biệt “ngành công nghiệp vũ khí đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động đáng báo động” [12, tr. 15]. Để giải quyết tình thế này, người Pháp đã sử dụng lao động phụ nữ Pháp. Ở nông thôn, từ tháng 8 năm 1914, phụ nữ phải làm việc đồng áng và thu hoạch để thay thế những người đàn ông đã ra mặt trận. Còn ở các thành phố, phụ nữ thay thế đàn ông trong các nhà máy.

Tuy nhiên, lực lượng này vẫn không đủ để phục vụ cho ngành công nghiệp chiến tranh. Do đó, khi chiến tranh tàn phá mặt trận phía Tây, Pháp đã yêu cầu từ thuộc địa của họ như Algeria, Tunisia, Malagasy hay Đông Dương cung cấp nhân lực. Tháng 9 năm 1915, “Ủy ban liên bộ về nhân lực (CIMO)” thuộc Bộ Lao động được thành lập với sứ mệnh “tuyển dụng lực lượng lao động trong và ngoài nước cần thiết cho các hoạt động công nghiệp, thương mại và nông nghiệp, đặc biệt là cho các hoạt động công cộng và tư nhân, cơ sở làm công tác quốc phòng” [21].

Trong khi thực dân Pháp coi châu Phi là nơi sản sinh ra các chiến binh, phục vụ đắc lực trên chiến trường nói riêng và trong lĩnh vực quân sự nói chung thì vùng Viễn Đông ngày càng được chú ý bởi khu vực đông dân này được xem là nguồn dự trữ lao động vô cùng dồi dào cho đế quốc. Mặc dù, đối với quan điểm của các nhà cầm quyền phương Tây, người châu Á bị xem là những con người nhỏ bé, thể chất yếu ớt, cùng những định kiến khác về sự phân biệt chủng tộc nhưng họ cũng cho rằng những người lao động này có một ưu điểm đáng chú ý là có một tay nghề cao, bền bỉ, thích hợp cho các công việc đòi hỏi với sự tỉ mỉ chính xác cao. Từ sự phân tích về đặc điểm dân tộc, người Pháp cho rằng người An Nam có thể đáp ứng được những yêu cầu cơ bản về nền công nghiệp quốc phòng trong các nhà máy sản xuất của Pháp: “Về phần mình, An Nam phải cung cấp công nhân quân sự với sự phục tùng và kỉ luật...” [12, tr. 19]. Do đó, ngày 12 tháng 12 năm 1915, việc tuyển dụng nhân lực ở các thuộc địa đã được mở rộng sang Đông Dương [12, tr. 19].

Việc tuyển dụng lao động thuộc địa khá phức tạp. Ban đầu, việc tuyển dụng dựa trên hoạt động tình nguyện. Để thuận lợi và thu hút được nguồn nhân lực, công tác tuyên truyền càng trở nên quan trọng và tỉ mỉ. Chính phủ đã dán các áp phích, chiếu các bộ phim về du lịch ở Pháp hay xuất bản những bưu thiếp, các chuyến tham quan của các quan chức của Tổng cục Quân đội Đông Dương... Những bức ảnh đẹp được chụp ở các vùng của Pháp được dán dưới dạng áp phích hoặc in trên các bưu thiếp dán ở những nơi công cộng như trường học, nhà chùa, quán rượu. Tuy

nhiên, tuyền dụng tình nguyện không thể đáp ứng được nhu cầu lao động, do đó, chính quyền thực dân đã sử dụng sức mạnh để ép buộc những người lao động Việt Nam đăng kí đi lao động dưới danh nghĩa “lao động tình nguyện” ở Pháp.

Đợt tuyền dụng đầu tiên được tiến hành trong suốt nửa đầu năm 1915 với hàng trăm người nông dân, thợ sơn mài, thợ tiện và thợ cơ khí được sang Pháp. Đến nửa cuối năm 1915, con số này đã tăng lên hàng nghìn người. Trong đó, Bắc Kỳ được Chính phủ Pháp giao tuyền 2.000 người trên danh nghĩa “tân binh tình nguyện” và số còn lại ở Nam Kỳ với danh nghĩa “quân dự bị” [12, tr. 33]. Đặc biệt, không giống như tuyền dụng lao động cho các thuộc địa của Pháp, người lao động chỉ cần có thể căn cước và giấy khám sức khỏe [4]. Để đến Pháp, Chính quyền thực dân còn yêu cầu lý trưởng kiểm soát và chọn lọc người lao động. Trong đó chỉ những người có nhân cách tốt và có giấy chứng nhận đạo đức mới được gửi sang Pháp [22]. Biện pháp này nhằm loại bỏ những thành phần mà Pháp cho rằng đe dọa đến an ninh và lợi ích chính quốc Pháp.

Sau khi được những quan lại, lý trưởng tuyền dụng, những người được tuyền chọn sẽ được tập trung tại thủ phủ các tỉnh để kiểm tra y tế. Tại đây, những người khỏe mạnh, đáp ứng đảm bảo những yêu cầu của chính phủ Pháp thì sẽ được chỉ định đến trung tâm huấn luyện ở Sài Gòn hoặc Hà Nội hai hoặc ba tháng trước khi gửi họ sang Pháp: “Thời gian này sẽ được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau: loại bỏ tất cả những người mà cơ thể của họ có vẻ mang mầm bệnh, tạo cho những người lao động thói quen ăn đồ ăn Pháp và đi giày da, rèn luyện họ tuân theo kỷ luật quân đội, rèn luyện cơ thể. Kết quả là họ sẽ mang lại hiệu quả công nghiệp tốt hơn” [12, tr. 47]. Sau đó, họ sẽ được kiểm tra y tế lần cuối trước khi xuống tàu sang Pháp.

Mặc dù vậy, việc vận chuyển lao động Đông Dương không dễ dàng do thiếu tàu trầm trọng. Chính phủ Pháp đã khắc phục bằng việc thuê những con tàu của tư nhân. Đáng chú ý, giá của những lần thuê tàu đều rất cao bởi họ vừa vận chuyển một nguồn nhân lực quan trọng vừa mang theo một số lượng ngũ cốc lớn. Do đó, để tiết kiệm cho mỗi lần vận chuyển, chính quyền thuộc địa nhồi nhét người lao động vào mỗi con tàu, khiến cho mỗi con tàu đều chở vượt quá mức quy định bình thường. Kết quả là, nguy cơ xung đột, tự vẫn và khả năng bùng phát dịch bệnh trên các con tàu này là rất lớn. Để tránh ảnh hưởng đến nguồn lao động, một Ủy ban kiểm tra đã được thành lập vào tháng 8 năm 1916 với mục đích giám sát các con tàu vận chuyển nguồn nhân lực từ Đông Dương sang Pháp [12, tr. 40]. Cơ quan này có trách nhiệm đảm bảo sự an toàn, đồng thời cách ly với những người không may bị mắc bệnh tả ra khỏi những người khỏe mạnh xung quanh. Điều này giúp phòng ngừa, hạn chế những rủi ro không đáng có cho Pháp trong quá trình vận chuyển nguồn nhân lực.

Kết quả là từ năm 1915 đến năm 1918, Pháp đã tuyền dụng cưỡng bức gần 50.000 người lao động Đông Dương mà chủ yếu là Việt Nam đến Pháp để làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp.

3.3. Người lao động Việt Nam tại Pháp

Sau khi được tuyền dụng, người lao động Việt Nam được cơ quan vận chuyển đến các kho (tổng kho Marseille hay “kho biên giới”). Tại đây, họ phải thực hiện kiểm tra y tế và một loạt bài kiểm tra năng khiếu trước khi nhận giấy tờ tùy thân và hợp đồng lao động (quy định mức lương, lợi ích và nghĩa vụ của người lao động) từ người sử dụng lao động. Sau đó, các cơ quan này sẽ phân phối họ đến khắp lãnh thổ Pháp.

Đáng chú ý, do địa vị chính trị của những người lao động thuộc địa không giống nhau, nên công việc họ đảm nhận cũng khác nhau. Ví dụ, người Bắc Phi, về mặt lý thuyết là dân thường, được tuyền dụng theo hình thức thuê tự nguyện hoặc trưng dụng trong thời gian một năm (có thể gia hạn). Ngược lại, người Việt Nam là những người ký hợp đồng “trong thời gian chiến tranh” và “cam kết dưới hình thức quân sự”, do đó vị trí của họ bị thấp hơn nhiều.

Từ sự phân biệt chính trị này, lao động Việt Nam phải làm những công việc khó khăn và đối mặt với nguy hiểm tính mạng như xử lí, trộn bột, làm axit, sàng thuốc nổ, đổ bình gas... Hơn nữa, hợp đồng lao động mà Chính phủ Pháp đã thỏa thuận với người lao động là thời gian lao động 10 tiếng một ngày, nhưng trên thực tế người lao động phải làm việc nhiều hơn so với quy định. Làm

việc liên tục với cường độ cao, không có bảo hộ lao động, tai nạn lao động là những vấn đề mà người lao động phải đối mặt hàng ngày. Thực tế, một cuộc điều tra được thực hiện vào tháng 2 năm 1917 bởi Thanh tra Y tế cho thấy tỷ lệ tử vong của công nhân thuộc địa cao gấp đôi so với công nhân Pháp [12].

Điều kiện làm việc nguy hiểm, người lao động Đông Dương còn phải đối mặt với cuộc sống tồi tàn, tạm bợ, trong các doanh trại mới được dựng lên vội vàng khi cuộc chiến bắt đầu. Thậm chí sự phân biệt đối xử giữa những người lao động cũng diễn ra mạnh mẽ, nhiều nơi công nhân châu Âu được phân bố tới các tòa nhà riêng, còn người Việt thì phải chuyển đến những doanh trại tồi tàn, thiếu ánh sáng, ngột ngạt và bẩn thỉu [12, tr. 73]. Đặc biệt, điều kiện sinh hoạt trong những doanh trại rất tồi tệ: “Người lao động Việt Nam ở Clermont-Ferrand phải đi bộ 1,5 km để lấy bữa ăn, hệ thống ống nước trong các tòa nhà của họ không phải lúc nào cũng hoạt động và nước không phải lúc nào cũng được làm nóng ngay cả trong mùa đông lạnh giá. Ở St. Chamas, do hạn chế về nước, người lao động chỉ được tắm mỗi tuần một lần trong phòng vệ sinh của nhà máy. Ở Challuy, Nièvre và Cazeau, họ (người lao động Việt Nam) ngủ trên sàn xi măng chỉ với một chiếc chăn vào mùa đông. Những người ở St. Raphael ngủ trên nệm rơm trên sàn đất. Để giữ ấm, họ ngủ cạnh nhau, nhiệt độ cơ thể giữ ấm cho nhau” [13]. Sự bất công của chính phủ Pháp đối với những người lao động bản xứ còn được thể hiện rõ trong tình trạng của người lao động Việt Nam tại Aix-en-Provence: “Nơi đây chứa 800 người đàn ông ngủ trên mặt đất, cửa sổ bị vỡ, không có khu vệ sinh và nguồn nước uống gần đó” [12, tr. 71].

Hơn thế nữa, những người lao động chỉ được trang bị những bộ quần áo rách rưới, chất lượng kém, thậm chí không đủ để đáp ứng cho người lao động. Họ được cấp theo tiêu chuẩn gồm một bộ đồ vải cũ, một chiếc áo sơ mi, một chiếc quần lót, một đôi giày để sử dụng trong cả năm nhưng tất cả đều ở trong tình trạng cũ và rách nát. Vấn đề ăn uống cũng trở nên bức thiết, đặc biệt từ năm 1917, khẩu phần ăn đã trở nên tồi tệ hơn khi những người lao động thuộc địa bị cấm mua các thực phẩm trong các doanh nghiệp tư nhân. “Nghiêm trọng hơn khi ở Toulouse, những người đàn ông làm việc từ 10 đến 11 tiếng một ngày lại chỉ được cung cấp thức ăn với 60g thịt” [12, tr. 75]. Khẩu phần này không đủ đảm bảo cho sức khỏe làm việc của một người lao động trong ngày.

Điều kiện sống thiếu thốn, công việc nặng nhọc và tai nạn lao động thường xuyên xảy ra khiến cho mức độ thương vong của người lao động Việt Nam rất lớn. Ngày 27 tháng 4 năm 1916, để chữa trị cho người lao động Đông Dương, chính phủ Pháp đã thành lập một bệnh viện ở Marseille với 300 giường bệnh [12, tr. 73]. Tại đây, số lượng bác sĩ tham gia chữa trị gồm có ba bác sĩ người Pháp kết hợp với năm bác sĩ phụ của Trường Y Hà Nội, cùng sự giúp sức của các nhân viên – những người được tuyển chọn trong số những người lao động thuộc địa. Nhưng trên thực tế không ai quan tâm đến sức khỏe của người lao động. Nếu họ muốn được chữa trị thì phải dứt lốt cho bác sĩ và y tá, nếu “mắc bệnh nặng thì cầm chắc cái chết”. Tại khu vực gần Bordeaux, một bệnh viện thứ hai được thành lập dành cho những bệnh nhân Đông Dương mắc bệnh lao. Tuy nhiên, đối với những người lao động Đông Dương thì bệnh viện này trở thành nỗi ám ảnh và thật kinh khủng, bởi một khi bệnh nhân bị bệnh lao mà vào bệnh viện này chữa trị thì không có một bệnh nhân nào quay trở lại, trong số họ còn dấy lên tin đồn rằng “người ta vào bệnh viện này chỉ để chết ở đó”.

Không chỉ đối mặt với tình trạng lao động nguy hiểm, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, người Pháp còn cho rằng người Đông Dương chưa thể hòa nhập với xã hội Pháp do “tình trạng văn minh thấp hơn”, do đó họ tìm mọi cách để ngăn cản người Đông Dương tiếp xúc với người Pháp, thậm chí mọi hoạt động sinh hoạt của họ còn chịu sự giám sát chặt chẽ. Năm 1916, chính phủ Pháp đã ra quy định quân sự hóa lao động thuộc địa với lời tuyên bố “Nhờ có kỷ luật quân đội, họ (người lao động Việt Nam cần thiết cho Quốc phòng) nhìn chung hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và nghĩa vụ quân sự phải thực hiện khiến cho đội ngũ lao động này có tính kỷ luật và chăm chỉ” [23]. Vì vậy, mặc dù người Việt Nam được tuyển dụng làm lao động dân sự nhưng họ chịu sự quản lý kiểu quân sự. Trong giờ làm việc tại nhà máy, công trường, họ chịu kỷ luật bởi chính cơ sở đó với các điều kiện, luật lệ được đặt ra. Ở bên ngoài, họ bị giám sát chặt chẽ bởi các binh

lính. Với mỗi nhóm lao động sẽ có một người chỉ huy giữ vai trò trung gian giữa người lao động và người sử dụng lao động. Lực lượng trung gian này có nhiệm vụ liên lạc, trao đổi thông tin giữa người sử dụng lao động và Cơ quan Công nhân Thuộc địa. Tất cả mọi khía cạnh trong cuộc sống hàng ngày của người lao động sẽ bị người chỉ huy khu vực kiểm tra trong các nhóm và gửi cho Bộ trưởng Bộ Chiến tranh theo các báo cáo được gửi hàng quý hoặc hàng năm.

Không chỉ chịu kiểm soát chặt chẽ trong nơi làm việc và sinh hoạt, mà mọi giao tiếp, trao đổi giữa người lao động Việt Nam đều bị giám sát nghiêm ngặt. Theo quy định của chính phủ Pháp, từ ngày 31 tháng 7 năm 1915, thư từ trong và ngoài nước đều bị kiểm duyệt dưới sự kiểm soát của các tư lệnh quân khu. Việc kiểm duyệt đóng vai trò như một rào cản ngăn chặn những thông tin được coi là không tốt về chính quốc. Riêng tại Marseille, một bộ phận được thành lập với mục đích dành riêng cho việc tập trung và xử lý thư từ gửi về Đông Dương. Hai năm sau, vào năm 1917, cơ quan kiểm duyệt bưu chính được thành lập ở Đông Dương tại các tỉnh, thành phố như Sài Gòn, Huế, Quy Nhơn, Vinh, Hải Phòng,... với trách nhiệm lọc thư từ đến từ Pháp [12, tr.140] Điều này đã khiến người Việt trở thành người bị giám sát chặt chẽ nhất đối với lực lượng thuộc địa.

Hơn thế nữa, để ngăn cản mọi tiếp xúc liên lạc giữa những người lao động thuộc địa với người Pháp hay với chủng tộc khác, chính quyền Pháp đã yêu cầu tập hợp người lao động Đông Dương lại trong những trại tập trung được xây một cách tạm bợ ở ngoại ô dưới chế độ quân sự hóa. Chính quyền cũng tăng cường giám sát và hạn chế tối đa sự giao tiếp, trao đổi giữa lao động Đông Dương với người Pháp. Đặc biệt, mối quan hệ hôn nhân giữa phụ nữ Pháp với người Đông Dương không được chính quyền Pháp khuyến khích. Mặc dù vậy, lao động cùng nhau trong các nhà máy, xí nghiệp đã khiến phụ nữ Pháp và người lao động Đông Dương xích lại gần nhau. Một lá thư được viết vào tháng 12 năm 1918 cho biết có tới 60 trẻ em lai được sinh ra ở vùng Saint-Médard. Trong số đó có khoảng 2.300 công nhân Việt Nam làm việc tại nơi này, số trẻ em này chính là con của một số người trong họ [12, tr. 148]. Mặc dù mối quan hệ này không được Chính quyền công nhận nhưng các gia đình Pháp – những người có con gái đã tỏ ra thông cảm với mối quan hệ giữa công nhân Việt Nam với con của họ. Để tình trạng này không diễn ra lâu dài và phổ biến, năm 1917, Bộ Thuộc địa đã triển khai các biện pháp nhằm ngăn chặn như đe dọa, từ chối nhập cảnh hay tước quyền công dân Pháp của người phụ nữ [12, tr. 152].

Bên cạnh việc giám sát nghiêm ngặt, Chính phủ Pháp còn tăng cường các biện pháp trừng phạt nhằm răn đe người lao động như trừ lương, giam tù, giáng chức, hạ cấp bậc, kỷ luật chung đối với cả nhóm lao động. Trong mắt của Chính phủ Pháp, người lao động thuộc địa làm sai, dù không cố ý đều bị trừng phạt. “Tháng 10 năm 1917, 2.356 công nhân Việt Nam làm việc trong nhà máy bột Saint-Médard-en-Jallens đã phải nhận tất cả 1.019 ngày tù” [12, tr.100]. Đối với những người lao động tái phạm thì họ sẽ được chuyển tới một trong ba “khu kỷ luật” ở phía Đông, gần Verdun. Mỗi nơi trung bình chứa từ 150 đến 300 người vi phạm. Tại đây, họ sẽ phải làm việc trong các mỏ đá (phá đá) hoặc vào rừng chặt gỗ. Sự phân biệt đối xử, điều kiện sống khó khăn đã thúc đẩy người lao động Đông Dương đứng lên đấu tranh. Do đó, ngay khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, chính quyền Pháp đã lập tức đưa lao động Đông Dương hồi hương. Chỉ một số ít người lao động được ở lại Pháp nếu họ có nghề nghiệp, chứng chỉ đạo đức tốt, hay kết hôn và có con cái với người Pháp.

4. Kết luận

Từ nhận thức về địa chính trị, dân tộc, nhân khẩu học ở Đông Dương, thực dân Pháp hướng đến việc tuyển dụng lao động Đông Dương mà chủ yếu là người Việt Nam sang Pháp làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng. Thực tế, lao động Đông Dương đóng vai trò là một lực lượng quan trọng trong số các lao động thuộc địa phục vụ cho Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Tuy nhiên khi ở Pháp, lao động Đông Dương phải đối mặt với sự phân biệt đối xử và kỳ thị từ phía chính phủ Pháp. Các lao động Việt Nam thường bị coi thường, bị đối xử không công bằng, làm các công việc nặng nhọc và trả lương thấp. Điều này đã gây ra nhiều vấn đề xã hội và tinh thần cho người lao động Việt Nam, tạo ra sự căng thẳng và bất ổn trong cộng đồng họ. Tuy

nhiên, những trải nghiệm này cũng đã thúc đẩy sự nhận thức về quyền lợi lao động và tinh thần đoàn kết trong cộng đồng người lao động Việt Nam ở Pháp, góp phần vào sự phát triển của phong trào lao động và phong trào đấu tranh đòi quyền hồi hương của họ sau này.

Đặc biệt, một số lao động Việt Nam sau khi đã trải qua thời gian làm việc tại Pháp, họ đã có cơ hội học tập và tiếp xúc với nhiều nghề nghiệp khác nhau. Sau khi trở về nước, họ đã áp dụng những kiến thức và kỹ năng này để phát triển tại Việt Nam. Đây là tiền đề để Việt Nam có thể hình thành và phát triển một số ngành nghề công nghiệp sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. Foucault, "Society Must Be Defended," *Lectures at the college of France 1975 -1976*. Picador New York, 2003.
- [2] J. Horne, "Immigrant Workers in France during World War I," *French Historical Studies*, vol. 14, no. 1, pp. 57-88, 1985, doi: 10.2307/286414.
- [3] T. T. Nguyen, "A Perspective about the Indigenous Status through Civil Laws in French Indochina," *Conflict, Justice, Decolonization: Critical Studies of Inter-Asian Societies*, 2021. [Online]. Available: <https://cjdproject.web.nctu.edu.tw/2021/02/26/a-perspective-about-the-indigenous-status-through-civil-laws-in-french-indochina/>. [Accessed March 10, 2024].
- [4] T. T. Nguyen, "Vietnamese indentured labourers: The intervention of the French colonial government in regulating the flow of Vietnamese labourers to the Pacific Islands in the early twentieth century," *Labor History*, vol. 63, no. 5, pp. 584-603, 2022, doi: 10.1080/0023656X.2022.2142541.
- [5] J. Krause, "Rebellion and Resistance in French Indochina in the First World War," *Journal of Imperial and Commonwealth History*, vol. 48, no. 3, pp. 425-455, 2020, doi: 10.1080/03086534.2019.1706800.
- [6] J. Martin, "Globalizing the History of the First World War: Economic Approaches," *The Historical Journal*, vol. 65, no. 3, pp. 838-855, 2022, doi: 10.1017/S0018246X21000765.
- [7] C. Schmitt, "The Warfare – Welfare Nexus in French African Colonies in the Course of the First and Second World War," *Historical Social Research/ Historische Sozialforschung*, vol. 45, no. 2(172), pp. 217-238, 2020.
- [8] E. C. Ejiogu and N. L. Umego, "Africans and the Two Great Wars: A General Overview," *Journal of Asian and African Studies*, vol. 57, no. 1, pp. 3-10, 2021, doi: 10.1177/00219096211054899.
- [9] P. Daum, *Indochinese Worker-Soldiers in France (1939 - 1952) A stage of forgotten Colonial History*. Tri Thuc Publishing House, 2014.
- [10] L.-K. Luguern, *The "Indochinese Workers" Socio-historical study of colonial immigration (1939-1954)*. The Learned Indies, Studies on Asia (In French), 2021.
- [11] L.-K. Luguern, "Colonial worker camps of the Second World War in France: The case of the "Indochinese worker camps",", *Images & Memory*, (In French) no. 49, pp. 15-24, 2016.
- [12] M. L. V. Ho, *Vietnamese in the Great War (empires): 50,000 recruits in French factories, Vendemiaire* (In French), 2014.
- [13] V.-H. Kimloan, *Indochinese Workers in France (Indochina), in 1914-1918*. Free University of Berlin, 2014.
- [14] G. Maspéro, *A French Colonial Empire. l'Indochine* Bruxelles, Paris (in French), 1929.
- [15] M. K. Matsuda, *Empire of Love: Histories of France and the Pacific*. Oxford University Press, 2005.
- [16] Y. Charbit, "There Are No Riches Other Than Men," In *The Classical Foundations of Population Thought: From Plato to Quesnay*. Springer Netherlands, 2011, doi: 10.1007/978-90-481-9298-4_3.
- [17] G. Khérian, *The demographic problem in Indochina*. Hanoi: Far East Printing House (In French), 1937.
- [18] Y. Henry, *Agricultural economy of Indochina*. Hanoi: Far East Printing House (in French), 1932.
- [19] P. Doumer, *Indochina*. Thegioi publishers, 2015.
- [20] D. Laurent, "The uses of racialism. The case of colonial labor in France during the First World War," (in French), *Political history, history of politics*, vol. 20, pp. 48-72, 1995.
- [21] L. Ma, "The "Truipil mission" and Chinese workers in France," In *Chinese workers in France in the First World War*, CNRS. Editions (Ed.), Paris (in French), 2019, pp. 51-90.
- [22] Vietnam Archive Centre I, *Certificate of identity and morality for native volunteers from the provinces of Tonkin to serve in France from 1915 to1920*, (in French), 21382-08.
- [23] M. L. V. Ho, "The Vietnamese in the Great War: recruits for the arms industry," (In French), *Men & Migration*, no. 1309, pp. 168-171, 2015, doi: 10.4000/hommesmigrations.3107.